BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
DN: C=VN, S=Đồng Nai, L=Biên Hoà, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600261626
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.04.07 22:32:00+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

MỤC LỤC

Giới thiệu tổng quan về Công ty
Khái quát chung
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề sản xuất kinh doanh
Hệ thống phân phối hàng hóa
Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh
Danh mục sản phẩm chủ lực của Công ty
Thành tích Công ty đạt được trong năm 2021
Cơ cấu tổ chức Công ty
Công ty con, công ty liên kết
Định hướng phát triển của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021
Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC
Tổng kết tình hình kinh doanh năm 2021
Mục tiêu kinh doanh năm 2022
Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Báo cáo tình hình hoạt động năm 2021
Kế hoạch hoạt động năm 2022

QUẢN TRỊ CÔNG TY
Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban kiểm toán *– kể từ 14/4/2021*)
Ban Kiểm soát *(tính đến 14/4/2021)*
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Thông tin Công ty
Báo cáo của Ban giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

PHẦN 1:
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

A. KHÁI QUÁT CHUNG

❖ THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Tên giao dịch	**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**
Tên viết bằng tiếng Anh	Vinacafé Bien Hoa Joint Stock Company
Tên viết tắt	VINACAFÉ BH
Mã chứng khoán	VCF
Sàn niêm yết chứng khoán	Sở Giao dịch Chứng khoán TP,HCM (HOSE)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp: 3600261626, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, thay đổi lần thứ 16 vào ngày 07 tháng 05 năm 2021.
Vốn điều lệ	265.791.350.000 đồng
Số lượng cổ phần phát hành	26.579.135 cổ phần.

❖ THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
Điện thoại	0251.3836554
Website	www.vinacafebienhoa.com

B. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1968: Ông Marcel Coronel - Nhà máy cà phê Coronel

Năm 1968, Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai nhằm giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức. Nhà máy Cà phê CORONEL tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong toàn khu vực các nước Đông Dương.

1975: Nhà máy cà phê Biên Hòa ra đời

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình ông Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghiệp Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel đã chạy thử mẻ cà phê hòa tan, nhưng không thành công, bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa tìm được cách "thuần phục" được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan này.

1977: mẻ cà phê hòa tan đầu tiên thành công

Vào đúng dịp kỷ niệm 02 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẻ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy Cà phê Biên Hòa. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Nhà máy cà phê Biên Hòa và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

1978: bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan ra nước ngoài

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống Xã hội chủ nghĩa về hàng đổi hàng, từ 1978 Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

1983: ra đời thương hiệu Vinacafé

Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, cái tên "Vinacafé" bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

1990: quay trở lại chinh phục người tiêu dùng Việt Nam

Vào cuối những năm 1980, các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm, theo cùng với tốc độ diễn biến bất lợi của hệ thống Xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha độn (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn đậu nành, ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

1993: sản phẩm đầu tiên: Cà phê hòa tan 3 trong 1 ra đời

Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thoả mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

1998: mở rộng sản xuất, xây dựng nhà máy cà phê thứ hai

Năm 1998 đánh dấu cột mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc của Vinacafé Biên Hòa. Nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 02 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

2004: Cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa được thành lập

---

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đứa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là cán bộ công nhân viên của Nhà máy Cà phê

Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Vinacafé BH", "VCF", "Vinacafé Biên Hòa", "Công ty"). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi mà nó hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

2010: Trên đà phát triển, xây nhà máy thứ ba ở Khu Công nghiệp Long Thành

---

Ngày 15/12/2010, Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy thứ ba này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan/năm, dự kiến khi đi vào hoạt động, mỗi năm nhà máy sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1; 3 trong 1 theo công nghệ hiện đại của Châu Âu.

Cùng trong năm này, vào tháng 11/2010, Công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

2011: Niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán

Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh - HOSE với mã chứng khoán là VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Cũng trong năm này, vào tháng 9/2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (tên Công ty viết tắt: Masan Consumer) đã chào mua công khai cổ phiếu VCF và trở thành công ty mẹ của VCF.

2012: Hợp nhất hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer

---

Vào quý I/2012, hợp nhất hai hệ thống phân phối của Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer tạo thành một hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý II/2012, phòng Nghiên cứu và phát triển sản phẩm R&D được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý III/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định tài nguyên doanh nghiệp (ERP) và bước đầu áp dụng hệ thống ERP này trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2013: Vận hành dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan tại Nhà máy Long Thành

---

Vào quý II/2013, Công ty đã bắt đầu vận hành thử nghiệm dây chuyền sản xuất cà phê hoà tan tại Nhà máy Long Thành.

Tháng 04/2013, nguyên Tổng Giám đốc Công ty – Ông Phạm Quang Vũ được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Vào tháng 05/2013, Ông Nguyễn Tân Kỷ được bổ nhiệm và chính thức là Tổng Giám đốc của Công ty.

2014: Khẳng định vị trí hai thương hiệu chủ lực: Vinacafé và Wake-up,

Đầu tháng 3/2014: bằng cách thay đổi diện mạo bao bì mới, Công ty đã tái giới thiệu các sản phẩm cà phê sữa vàng truyền thống bao gồm: Cà phê hòa tan 3in1 Gold Original, Gold Gu đậm và Gold Gu đậm hơn, qua đó, khẳng định vị trí số 1 về cà phê hòa tan trên thị trường nội địa *(chiếm 41% thị phần theo số liệu của Công ty nghiên cứu thị trường AC Nielsen 12/2014).*

Với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới có nguồn gốc từ cà phê, vào ngày 30/3/2014, Vinacafé Biên Hòa đã tung sản phẩm nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247, đánh dấu bước phát triển mới của Công ty khi chính thức bước chân vào ngành hàng nước giải khát với thị trường có tiềm năng rộng lớn.

Tháng 10/2014, Vinacafé là thương hiệu cà phê duy nhất đại diện cho Việt Nam đồng hành cùng chương trình Tàu thanh niên Đông Nam Á và Nhật Bản tôn vinh giá trị Việt.

Đến năm 2017, nhãn hiệu Vinacafé được Bộ Khoa học và Công nghệ kết hợp cùng Hiệp hội nhãn hiệu quốc tế (INTA) chính thức công nhận là Nhãn hiệu nổi tiếng tại Việt Nam trong dự án bảo hộ nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam (Vinacafé là 1 trong 6 nhãn hiệu tại Việt Nam được công nhận).

Tháng 12/2020: Vinacafé tiếp tục được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2020 – 2022, đồng thời là doanh nghiệp tự hào đạt Thương hiệu quốc gia 7 lần liên tiếp.

Tổng Giám đốc – Ông Đoàn Quốc Hưng nhận cúp và chứng nhận Thương hiệu quốc gia 2020-2022

C. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1.	1079 (chính)	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, Chi tiết: - Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm. - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, - Sản xuất sữa tách bơ và bơ. - Sản xuất sản phẩm cô đặc nhân tạo.
2	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán lẻ ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
3	4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: - Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm - Bán buôn ca cao, sô cô la, mứt kẹo, đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn, sữa tách bơ và bơ, sản phẩm cô đặc nhân tạo, sữa và các thành phần khác từ sữa.
4	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Chi tiết: cho thuê nhà xưởng
5	1073	Sản xuất ca cao, sô cô la, mứt kẹo
6	1050	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
7	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ máy pha cà phê
8	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa, bảo trì máy pha cà phê
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy pha cà phê

D. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

-Hơn 160.000 điểm bán lẻ sản phẩm đồ uống;
- 3.000 nhân viên bán hàng;
- 08 trung tâm phân phối trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Từ những năm 2012, khi trở thành công ty con thuộc Tập đoàn Masan, hệ thống phân phối sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa đã được tích hợp vào mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống rộng lớn của Masan. Tính đến thời điểm báo cáo, hệ thống phân phối hàng hóa của Masan là một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam với hơn 160.000 điểm bán lẻ sản phẩm đồ uống, 3.000 nhân viên bán hàng phủ thị trường, 08 trung tâm phân phối đảm bảo phân phối hàng hóa trên 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

Trên cơ sở thấu hiểu tính đặc thù chuyên biệt của việc phân phối đồ uống khác với phân phối hàng thực phẩm, Masan đã nhanh chóng xây dựng và phát triển một đội ngũ bán hàng dành riêng cho ngành hàng đồ uống cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Mạng lưới phân phối sâu, rộng, tăng trưởng vô cùng nhanh chóng và mạnh mẽ của Masan đã giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được bao phủ và tiếp cận thị trường sâu rộng nhất, đạt tốc độ tiếp cận thị trường rất nhanh, đặc biệt khi Công ty tung ra các sản phẩm mới và các sản phẩm khuyến mại.

Điểm đặc biệt chú ý, vào ngày 03/12/2019, tập đoàn Masan và tập đoàn Vingroup đã thỏa thuận nguyên tắc về việc hoán đổi cổ phần của Công ty VinCommerce và Công ty VinEco và cùng nhau tạo ra một Tập đoàn Hàng tiêu dùng – bán lẻ mới có sức cạnh tranh vượt trội và quy mô hàng đầu Việt Nam, sở hữu mạng lưới với hơn 2.600 siêu thị và cửa hàng VinMart & VinMart + tại 50 tỉnh thành cả nước với hàng triệu khách hàng cùng kinh nghiệm 20 năm trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng từ Masan sẽ giúp các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa được tiếp cận người tiêu dùng một cách nhanh nhất.

Về mảng xuất khẩu, các sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa càng ngày được bạn bè quốc tế đón nhận, yêu thích. Chúng tôi đã mở rộng xuất khẩu ra thị trường quốc tế đến nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Mỹ, Canada, Đài Loan,… bằng việc luôn nâng cao chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình HACCP, FSSC, BRC, Halal,…

E. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Các nhà máy sản xuất được đặt tại:

- Trụ sở chính Công ty: Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh Nhà máy cà phê Biên Hòa II: Lô C I,III - 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
- Chi nhánh MSI - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa: Lô 6, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp A, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

F. DANH MỤC SẢN PHẨM CHỦ LỰC CỦA CÔNG TY

Cà phê hòa tan 3 trong 1, 2 trong 1, rang xay mang thương hiệu Vinacafé và Wake-up

---

Là dòng sản phẩm chủ lực của Công ty ngay từ ngày đầu thành lập, lần đầu tiên ra mắt, sản phẩm cà phê hòa tan 3 trong 1 (với ba thành phần chính: cà phê, đường, bột kem), cà phê hòa tan 2 trong 1 (với hai thành phần chính: cà phê, đường), cà phê rang xay nguyên chất được người tiêu dùng đón nhận như một món quà vừa quen thuộc, vừa lạ lẫm khi có thể thưởng thức được ngay ly cà phê nguyên bản thơm ngon mà không cần chờ đợi từng giọt cà phê tí tách như pha phin mà vị ngon, vị đậm đà không hề thua kém – mở ra một bước đột phá và thành công mới cho Vinacafé Biên Hòa.

Ngũ cốc dinh dưỡng mang thương hiệu B'fast

Nước tăng lực vị cà phê Wake-up Coffee 247

G. THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2021

Giấy chứng nhận về hệ thống quản lý

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện và cải tiến hệ thống quản lý về chất lượng, môi trường, năng lượng, an toàn sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội, an toàn thực phẩm thể hiện cam kết cao nhất của Công ty nhằm đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao, tuân thủ quy định về an toàn thực phẩm và trách nhiệm với cộng đồng.

Tính đến thời điểm báo cáo, Công ty đã đạt các chứng nhận sau:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015;
- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn sức khỏe và Bệnh nghề nghiệp 45001:2018;
- Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Trách nhiệm xã hội theo tiêu chuẩn SA 8000:2014;
- Giấy chứng nhận hệ thống Quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001: 2018;

- Giấy chứng nhận hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn FSSC 22000 v5.1;
- Giấy chứng nhận Halal Jakim theo tiêu chuẩn MS 1500:2019;
- Giấy chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao - chuẩn hội nhập năm 2018, 2019, 2020, 2021;
- Giấy chứng nhận đăng ký FDA (Hoa Kỳ) 2021;
- Chứng nhận đạt tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retailer Consortium-BRC).

Giải thưởng đạt được trong năm qua

---

1. Vinacafé Biên Hòa được lựa chọn là doanh nghiệp đạt Thương hiệu quốc gia cho giai đoạn 2020 - 2022, đồng thời là doanh nghiệp tự hào đạt Thương hiệu quốc gia 7 lần liên tiếp;
2. Top 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống năm 2022 và liên tục 05 năm liền được chứng nhận từ năm 2018-2022;
3. Danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao – chuẩn hội nhập, ngành hàng thực phẩm.
4. Doanh nghiệp niêm yết có năng lực cạnh tranh tốt nhất năm 2021 do VCCI chứng nhận.

Hình ảnh đại diện của Công ty lên nhận giải thưởng Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống năm 2021.
Đây là một chứng nhận uy tín do Công ty CP Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) và báo VietNamNet – Bộ Thông tin và Truyền thông công bố dựa trên kết quả nghiên cứu độc lập và khách quan của Vietnam Report.
Vinacafé Biên Hòa liên tục 5 năm liền được công nhận Top 10 Công ty uy tín ngành đồ uống.

H. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Kể từ ngày 14/4/2021, Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và 03 nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.

- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 04 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm, Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2020 đến năm 2025.

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

I. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:

- **Công ty con:** Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Café De Nam (trước đây tên là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương Mại CDN), địa chỉ trụ sở chính: Lô C I,III -3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.
  - Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất cà phê, bán máy pha cà phê,…
  - Vốn điều lệ thực góp: 199.700.000.000 đồng.
  - Tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Công ty con: 97,77% vốn chủ sở hữu.
- **Công ty liên kết:** Không có.

J. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY:

Kế hoạch 10 năm 2015-2025:

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê hòa tan tại Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống có nguồn gốc từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu VINACAFÉ, WAKE-UP rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

Tiếp tục thực hiện kế hoạch 10 năm 2015-2025 ở trên, trong 04 năm tới, bằng khát vọng tiên phong và chiến lược phát triển kinh doanh bền vững, Vinacafé Biên Hòa tiếp tục duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam. Bên cạnh đó, bằng việc sở hữu thương hiệu Vinacafé - giá trị di sản văn hóa Việt - chúng tôi sẽ luôn giữ trọn vẹn thương hiệu đúng với bản chất di sản và luôn bền vững trên giá trị thật tồn tại hơn 54 năm qua, nâng tầm cho nó trở thành một thương hiệu Quốc gia được nhận diện trên toàn thế giới, trở thành biểu tượng của cà phê Việt Nam để người tiêu dùng trên khắp thế giới khi nhắc đến cà phê Việt Nam sẽ nghĩ đến Vinacafé.

Vinacafé Biên Hòa sẽ tiếp tục là một doanh nghiệp lớn, sở hữu nhiều thương hiệu mạnh, đáp ứng thị hiếu của người tiêu dùng khắp thế giới bằng sản phẩm chủ lực là cà phê và các sản phẩm thực phẩm, đồ uống, nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê chất lượng cao, giá cả hợp lý trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ giá trị cốt lõi của Công ty. Đồng thời, Vinacafé Biên Hòa cũng xây dựng một văn hóa doanh nghiệp rõ ràng, phù hợp, định hướng các mối quan hệ hướng về người tiêu dùng, về xã hội và người lao động, các chủ sở hữu:

- Đối với người tiêu dùng là tạo niềm tin của họ đối với các sản phẩm và dịch vụ của Công ty.
- Đối với xã hội và môi trường là sự đảm bảo các trách nhiệm về việc giữ vững môi trường thân thiện và phát triển bền vững.
- Đối với người lao động và các chủ sở hữu là luôn đảm bảo lợi ích các cổ đông và tính nhân văn.

Với hình ảnh của doanh nghiệp như trên đã giúp cho Cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa luôn ý thức được trách nhiệm của họ trong việc góp phần tạo nên sự phát triển cho Công ty, cùng kề vai sát cánh đóng góp sức lực của mình đưa Công ty vượt qua mọi khó khăn cùng với niềm tự hào được làm việc tại Công ty có truyền thống lâu đời.

Các giải pháp chiến lược:

Về sản xuất:

- Đầu tư thiết bị máy móc mới, hiện đại và mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm tăng năng suất lao động. Kiểm soát tốt chi phí theo định mức.
- Cải tiến hệ thống thiết bị máy móc sẵn có, điều chỉnh thông số kỹ thuật máy để phù hợp với chương trình sản xuất hiện tại.
- Đẩy mạnh nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng, theo đó, cùng với việc giữ vững sản phẩm cà phê truyền thống, tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm nước giải khát có nguồn gốc từ cà phê.

Về nguồn nhân lực:

- Luôn coi nguồn nhân lực là tài sản quan trọng nhất của Công ty.
- Tuyển dụng nhân tài có chuyên môn giỏi đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- Xây dựng, chăm sóc, đào tạo nguồn nhân lực trẻ, giỏi nhằm mang tính kế thừa.
- Chú trọng công tác đào tạo nhân lực bằng nhiều hình thức phù hợp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, kỹ năng làm việc của cán bộ công, nhân viên Công ty.
- Hoàn thiện chính sách đãi ngộ người lao động phù hợp để tương xứng với công sức đóng góp cũng như giữ vững sự gắn bó, gắn kết của người lao động với Công ty.

Về thị trường kinh doanh:

- Tối ưu hóa thế mạnh của hệ thống phân phối rộng lớn của Masan.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu người tiêu dùng để thực hiện phát triển sản phẩm mới, cải tiến các sản phẩm hiện tại ngày càng tốt hơn.
- Mở rộng đối tượng tiêu dùng phân khúc bình dân.
- Tìm kiếm các thị trường xuất khẩu còn nhiều tiềm năng mà sản phẩm Công ty chưa thâm nhập được, đẩy mạnh phân phối hàng ở các thị trường quốc tế hiện tại.
- Công nghệ số hóa trong quản lý doanh nghiệp.

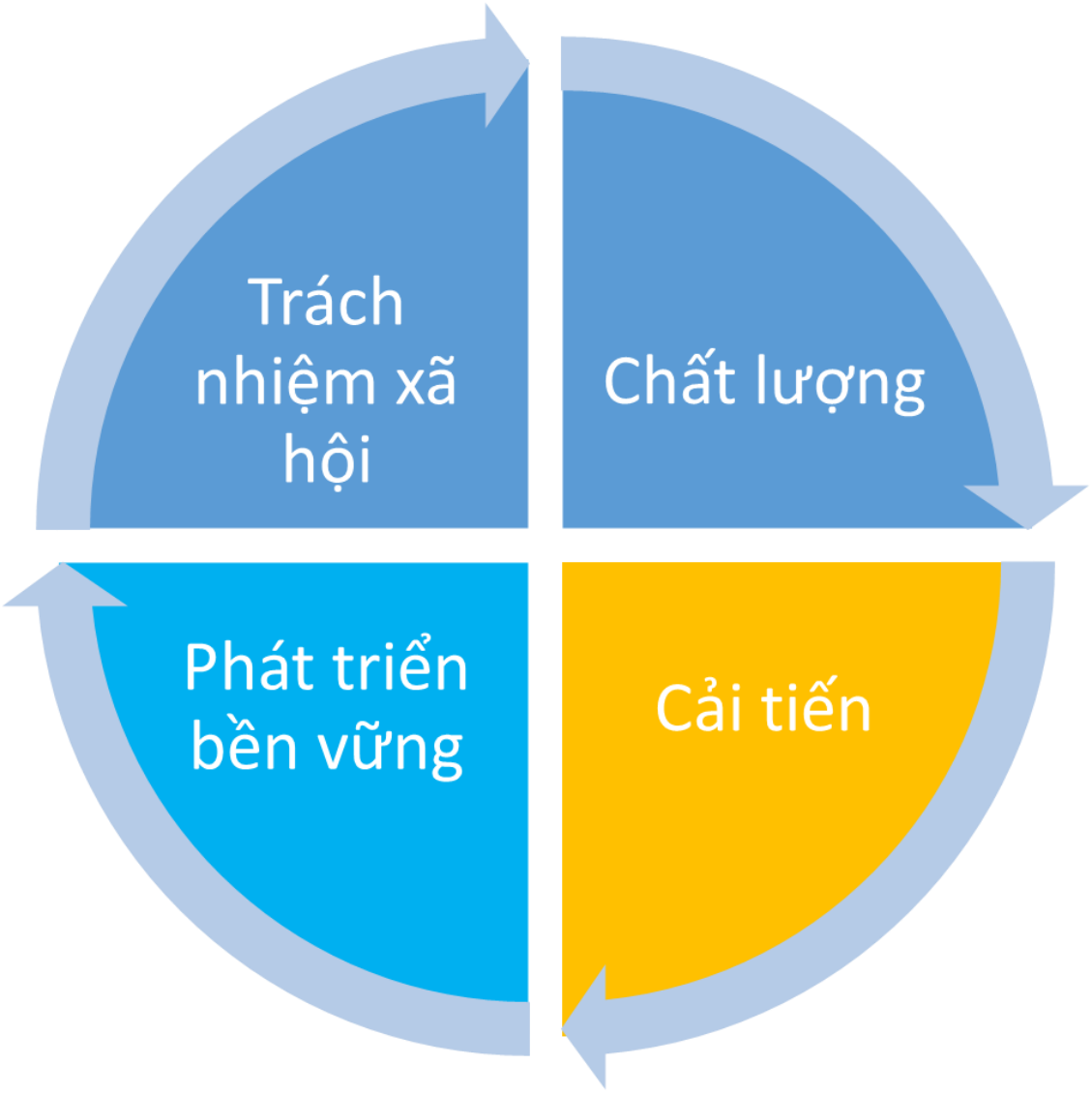

PHẦN 2:
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

A, TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được trong năm:

Năm 2021 được đánh giá là năm kinh tế khó khăn nhất đối với các doanh nghiệp trong nước do ảnh hưởng của đợt dịch Covid 19 diễn biến phức tạp và để lại hậu quả nặng nề cho nền kinh tế trong nước khi hàng loạt doanh nghiệp nhỏ và vừa phải giải thể vì không chịu nổi sức ép. Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa cũng không ngoại lệ, đỉnh điểm khoảng thời quý 3/2021 khi chính quyền địa phương áp dụng chính sách giãn cách kéo dài đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Giá nguyên liệu đầu vào tăng cao và tại nhiều thời điểm đối tác không cung cấp được nguyên vật liệu do gặp khó khăn về vận chuyển; xuất khẩu hàng hóa cũng giảm do khó khăn về giao thương; sự cạnh tranh khốc liệt của các đối thủ cùng ngành hàng và sự thay đổi về hành vi mua sắm của người tiêu dùng trong đại dịch,…

Để đảm bảo sản xuất, Công ty thực hiện song song hai nhiệm vụ: thay đổi phương án hoạt động sản xuất thành 3 tại chỗ, vừa duy trì nguồn nhân lực tại chỗ đảm bảo sức khỏe, an toàn phòng chống dịch cho người lao động vừa sản xuất theo kế hoạch.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Trong bối cảnh đó, cùng với sự nỗ lực lớn vượt bậc của Ban Giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, Vinacafé Biên Hòa đã đạt doanh thu thuần 2.217 tỷ đồng, tương đương 76,45% so với kế hoạch và giảm 24% so với doanh thu thuần năm 2020. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty đạt 429 tỷ đồng, tương đương 60,42% so với kế hoạch và giảm 40% so với lợi nhuận sau thuế năm 2020. Kết quả này là đáng khích lệ cho sự cố gắng của toàn thể Công ty trong hoàn cảnh khó khăn trên.

B. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Ban điều hành: Danh sách Ban điều hành Công ty cụ thể gồm 02 thành viên.

1. Họ và tên: Ông LE HUU-THANG
   Giới tính: Nam.
   Năm sinh: 1966
   Chức vụ: Tổng Giám đốc
   Tỷ lệ cổ phần: 0%

2. Họ và tên: Bà Phan Thị Thúy Hoa
   Giới tính: Nữ
   Năm sinh: 1977
   Chức vụ: Kế toán Trưởng
   Tỷ lệ cổ phần: 0%

2. Chính sách lao động:

Những thành công mà Vinacafé Biên Hòa đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất, đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với

Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn. Ngược lại, Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công.

Tính đến hết ngày 31/12/2021, Công ty có 270 cán bộ công nhân viên, trong đó có 58 nữ, chiếm 21,48% lao động toàn Công ty.

Về điều kiện làm việc:

Văn phòng, nhà xưởng của Công ty ở cả 03 nhà máy đều rộng rãi, thoáng mát, trang bị máy móc thiết bị hiện đại tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên làm việc và sáng tạo.

- Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng), Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/ tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong cán bộ, công nhân viên (hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày Quốc tế thiếu nhi,…).
- Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho các nhân viên tại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc tại Công ty.

Về an toàn lao động: khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc. Trong năm 2021, bộ phận An Toàn- sức khỏe- môi trường của Công ty đã tổ chức huấn luyện 10.000 giờ về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, sơ cấp cứu cho người lao động.

Về bảo hiểm và phúc lợi: Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế, mua thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho tất cả người lao động. Ngoài ra đối với cán bộ nhân viên cấp chuyên viên trở lên, Công ty có mua thêm Bảo hiểm sức khỏe nhằm chăm sóc sức khỏe nhân viên tốt hơn. Mỗi năm, Công ty đều tổ chức tham quan nghỉ mát trong nước ít nhất 1 lần, khám sức khỏe và khám bệnh nghề nghiệp cho người lao động định kỳ.

C. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: không có.

D. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021 (tỷ VNĐ)	Năm 2020 (tỷ VNĐ)	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.946	2.132	-9%
2	Doanh thu thuần	2.217	2.901	-24%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	548	902	-39%
4	Kết quả hoạt động khác	0	(0)	-164%
5	Lợi nhuận trước thuế	549	902	-39%
6	Lợi nhuận sau thuế	429	721	-41%
7	Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Cổ đông công ty	429	724	-41%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	250%	-	-

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	% tăng/ giảm
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TS ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	2,21	2,58	-14%
	+ Hệ số thanh toán nhanh: (TS ngắn hạn-hàng tồn kho)/nợ ngắn hạn	1,87	2,20	-15%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ/ tổng tài sản	35%	30%	5%
	+Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	54%	42%	12%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+Vòng quay hàng tồn kho = giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân	7,07	9,02	-22%
	+Doanh thu thuần/ tổng tài sản	1,09	1,33	-18%
	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần	19%	25%	-6%
	+Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	31%	49%	-18%
	+Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ doanh thu thuần	25%	31%	-6%
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản	21%	33%	-12%

E. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

❖ CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	26.579.135
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.579.135
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có

❖ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Tổng số cổ đông của Công ty: 390 cổ đông (theo Danh sách cổ đông gần nhất để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, chốt ngày 10/3/2022 bởi Trung tâm lưu ký chứng khoán chi nhánh Hồ Chí Minh) nắm giữ 26.579.135 cổ phần của Công ty.

- Cơ cấu cổ đông:
  Trong 390 cổ đông, có 310 cổ đông là cá nhân, tổ chức trong nước và 80 cổ đông là cá nhân, tổ chức nước ngoài với số lượng cổ phần cụ thể như sau:
  - Trong nước: 26.403.377 cổ phần
  - Nước ngoài: 175.758 cổ phần

- **Cổ đông lớn:** Công ty có 01 cổ đông lớn, bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Masan Beverage	26.257.975	98,79%

❖ Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có.

F. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Sản phẩm an toàn, bảo vệ môi trường và mối quan tâm xã hội luôn là tiêu chí quan trọng của Công ty trong suốt quá trình kinh doanh. Đối với Vinacafé Biên Hoà, chúng tôi luôn xác định Công ty chỉ có thể phát triển bền vững khi biết kết hợp tăng trưởng kinh tế, sản xuất kinh doanh kết hợp với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội.

Bên cạnh mục đích sản xuất, Công ty luôn đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường lên ưu tiên hàng đầu. Trong suốt thời gian hoạt động, Vinacafé Biên Hòa luôn chấp hành tốt ý thức bảo vệ môi trường theo đúng quy định của pháp luật và là thành viên của Hội bảo vệ thiên nhiên – môi trường tỉnh nhà.

1. Tác động lên môi trường:

- Hệ số phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp (bao gồm hệ số CO_2, CH_4, N_20): 10.18 ton/ton.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:
  - Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.
  - Đối với chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, Công ty giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý hoặc tái chế, Đối với chất thải nguy hại, Công ty thực hiện việc lưu trữ theo đúng quy định và giao cho đơn vị có chức năng xử lý.
  - Quản lý và thực hiện quan trắc khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty theo đúng quy định.

2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng chi phí mua nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm: 1.395.741.661.930 đồng.
- Công ty có chính sách sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất.
- Tái sử dụng nguyên vật liệu dư thừa, không sử dụng: ký kết Hợp đồng với đơn vị thu gom bã cà phê để sản xuất phân bón; sử dụng vỏ trấu cà phê đưa vào lò hơi Biomass để đốt.

3. Tiêu thụ năng lượng (điện, nước,…):

- Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2021: 7370.406 KWh, nguồn cung cấp: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2021: 151.326 m^3, nguồn cung cấp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Nguồn năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm nước trong sinh hoạt và sản xuất, Hiện nay, một phần lượng nước thải ra tại nhà máy Long Thành sau khi được xử lý đạt chuẩn A đã được sử dụng để tưới cây trong khuôn viên nhà máy.
- Kiểm soát nguồn năng lượng chặt chẽ, đánh giá nguồn năng lượng hiện tại và đề ra các giải pháp sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng bằng việc xây dựng, duy trì và luôn cải tiến Hệ thống quản lý nguồn năng lượng ISO 50001:2018.

4. **Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**
   - Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.
   - Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

5. **Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**
   - Trong năm 2021, VCF kết hợp cùng Công ty mẹ Masan đã thực hiện nhiều hoạt động hướng về cộng đồng trong địa phương cũng như ủng hộ các thiết bị y tế cho tuyến đầu góp sức công tác phòng chống dịch Covid 19 với tổng chi phí hơn 200 triệu đồng.

PHẦN 3:
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

TẦM NHÌN

Luôn luôn đổi mới để cách mạng hóa cách thưởng thức cà phê của hàng triệu người Việt Nam và toàn thế giới với ly cà phê nguyên bản ngon độc đáo kiểu Việt Nam.

A. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2021

Trong tình hình đại dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, năm 2021 là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Vinacafé Biên Hòa cũng chịu ảnh hưởng bởi đại dịch thể hiện qua doanh số bán hàng giảm so với năm 2020 và so với kế hoạch. Tuy vậy, với rất nhiều nỗ lực từ đội ngũ bán hàng ở tuyến đầu và nỗ lực tối ưu hóa, tiết giảm chi phí của khối cung ứng, chúng ta đã duy trì và giữ vững tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh để vượt qua đại dịch, điển hình quý 4/2021 Công ty đạt doanh thu 1009,7 tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2020.

Với những kinh nghiệm quý báu tích lũy được từ đại dịch và nền kinh tế mở cửa trở lại, Ban Giám đốc Công ty kỳ vọng doanh số sẽ tăng trưởng trở lại trong năm 2022.

	Đvt	2020	2021	% 2021/2020	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2,901	2,217	(684)	-24%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	724	429	(295)	**-41%**

	Đvt	Kế hoạch 2021 (*)	Thực hiện 2021	% Kế hoạch/Thực hiện 2021	
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2,900	2,217	-683	-24%
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	710	429	-281	-40%

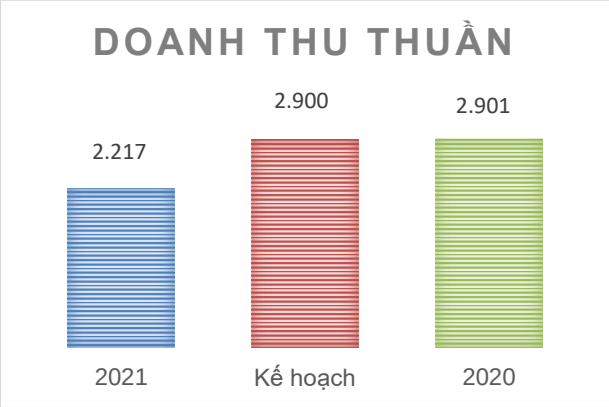

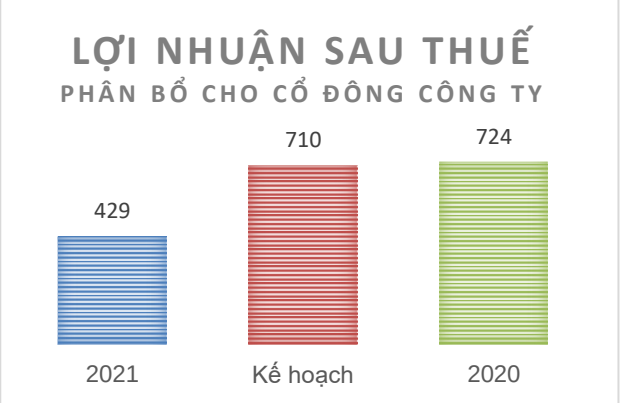

Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2021:

1. Tiếp tục mô hình "xây dựng thương hiệu" phân phối thông qua hệ thống phân phối chuyên biệt và rộng lớn của Masan Consumer cho thấy những ưu điểm vượt trội về khả năng phân phối nhất là ở vùng nông thôn trên cả hai phương diện bao phủ rộng và tốc độ tiếp cận thị trường nhanh chóng.

2. Các sản phẩm chủ lực Vinacafé, Wake Up Sài gòn, Wake-up 247 tiếp tục duy trì vị thế, là trụ cột giúp công ty đứng vững trong một năm đầy khó khăn do dịch bệnh. Các sản phẩm mới được ra mắt trong năm qua và nhận được sự đón nhận tích cực của người tiêu dùng: Wake up Cà phê hòa tan đen đá Việt Nam; Wake up Cà phê hòa tan nâu đá Việt Nam; Sữa hạt ngũ cốc B'fast loại ít đường; Thực phẩm bổ sung – Nước tăng lực vị cà phê Wake -up Coffee 247 loại ít đường.

3. Tự động hóa máy móc và đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất.

4. Tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi làm gia tăng lợi nhuận tài chính.

5. Thực hiện thành công kế hoạch 3T để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh vượt qua đại dịch.

6. Năm 2021, Vinacafé Biên Hòa vinh dự 5 lần liên tiếp đạt Doanh nghiệp TOP 10 Công ty uy tín ngành thực phẩm đồ uống; được chứng nhận là doanh nghiệp có sản phẩm đạt thương hiệu quốc gia cho giai đoạn năm 2021-2022 và đây là lần thứ 7 liên tiếp được công nhận; cùng nhiều giải thưởng, chứng nhận uy tín khác.

7. Vinacafé luôn cập nhật và duy trì các hệ thống quản lý và chất lượng tiên tiến như: BRC, FSSC 22000, ISO 14001:2015, ISO 50001:2018, ISO 45001:2018, SA 8000:2014, FDA, Halal để sẵn sàng cho việc thâm nhập các thị trường khó tính, yêu cầu cao như EU và Bắc Mỹ.

B. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2021

Năm 2022 những kinh nghiệm quý báu tích lũy được từ đại dịch, nền kinh tế Việt Nam mở cửa và phục hồi trở lại là cơ hội cho sự tăng trưởng của các ngành hàng nói chung và cho ngành hàng đồ uống nói riêng. Theo đó, Ban điều hành đề xuất mục tiêu cho năm 2022 như sau:

		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.500	2.900
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	500	600
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	500	600

C. CHIẾN LƯỢC KINH DOANH NĂM 2022

1. Đặt trọng tâm vào việc đột phá, sáng tạo trong việc phát triển sản phẩm mới, đáp ứng "*các nhu cầu chưa được thỏa mãn*" của người Việt Nam,
2. Giữ vững vị trí dẫn đầu trong ngành cà phê hoà tan với hai nhãn hiệu chủ lực là Vinacafé và Wake-Up.
3. Xây dựng nước tăng lực vị café Wake-up Coffee 247 trở thành cột trụ tăng trưởng chính của ngành đồ uống thông qua việc xây dựng thương hiệu và gia tăng độ phủ.
4. Thâm nhập sâu rộng hơn và mở rộng danh mục sản phẩm cho thị trường xuất khẩu
5. Tối đa hóa công suất và năng lực sản xuất của các nhà máy café hòa tan để tối ưu giá thành và nâng cao biên lãi gộp. Tìm hiểu, ứng dụng công nghệ mới để nâng cao tỷ lệ thu hồi trong quá trình sản xuất.
6. Đặt trọng tâm vào người tiêu dùng thông qua 3 tôn chỉ Affordability, Availability & Assurance of Quality – Giá cả hợp lý, tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc, mọi nơi và đảm bảo chất lượng.

Các sản phẩm mới được ra mắt trong năm 2021

PHẦN 4:
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I- BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm 2021

Vinacafé Biên Hòa đã đạt được kết quả kinh doanh khả quan:

- Doanh thu thuần 2.217 tỷ đồng, tương đương 76,45% so với kế hoạch và giảm 24% so với doanh thu thuần năm 2020.
- Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty đạt 429 tỷ đồng, tương đương 60,42% so với kế hoạch và giảm 40% so với lợi nhuận sau thuế năm 2020.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị:.

- Năm 2021, Hội đồng Quản trị đã hoạt động tích cực, tuân thủ đúng các quy định tại Điều lệ Công ty cũng như pháp luật liên quan trong công tác tổ chức hoạt động, thể hiện vai trò quản trị, giám sát của mình. Hội đồng Quản trị đồng hành sát sao cùng Ban Giám đốc và kịp thời đưa ra các quyết định, chỉ đạo hiệu quả về sản xuất, kinh doanh trước những thay đổi về chính sách phòng chống dịch của chính quyền địa phương giúp Công ty hoạt động ổn định, thúc đẩy hiệu quả quá trình hiện thực hóa các định hướng chiến lược cũng như kế hoạch kinh doanh đã đề ra, tận dụng tốt cơ hội từ những thay đổi của thị trường do ngoại cảnh tác động.
- Trong năm qua, các thành viên Hội đồng Quản trị với chuyên môn và kinh nghiệm làm việc của mình đều có những đóng góp hiệu quả, tích cực và kịp thời cho hoạt động chung của Hội đồng Quản trị.

3. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

- Năm 2021 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; tập trung chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất, cải tiến bao bì sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường ngay cả thời điểm cao điểm nhất.
- Trong quá trình quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh, Ban điều hành luôn thận trọng và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chính sách chung của Tập đoàn và triển khai thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.

II- KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2022

Mục tiêu năm 2022

		Thấp	Cao
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.500	2.900
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	500	600
Lợi nhuận sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông Công ty	Tỷ đồng	500	600

Các định hướng chiến lược:

- Đặt trọng tâm vào việc đột phá, sáng tạo trong việc phát triển phẩm mới, đáp ứng "các nhu cầu chưa được thỏa mãn" của người Việt Nam
- Đẩy mạnh ngành hàng nước giải khát dựa trên sản phẩm chủ lực là cà phê.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê, các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

A. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị:

Tên thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (*)
Phạm Hồng Sơn	1963	Chủ tịch HĐQT	26.257.975	98,79% *(đại diện cho cổ đông Công ty TNHH MTV Masan Beverage)*
Trương Công Thắng	1973	Thành viên *(từ nhiệm từ ngày 01/9/2021)*		0%
Nguyễn Hoàng Yến	1963	Thành viên		0%
Hồ Thúy Hạnh	1971	Thành viên		0%
Huỳnh Công Hoàn	1972	Thành viên		0%

(*) dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến ngày 31/12/2021.

2. Chức danh mà các thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ tại các công ty khác.

Tên thành viên	Chức vụ	Tên Công ty
PHẠM HỒNG SƠN	Phó Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Công nghiệp Masan
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Masan HD
	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Masan MB
	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Masan Jinju
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH MTV Masan HG
	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH MTV Masan Beverage
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH MTV Thực phẩm Masan
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH Masan HPC
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH Masan Innovation
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH Hi-Fresh
	Chủ tịch Công ty và Giám đốc	Công ty TNHH Giặt ủi chuyên nghiệp Joins Pro
	Giám đốc	Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG

NGUYỄN HOÀNG YẾN	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Masan
	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
	Thành viên HĐQT và Phó TGĐ	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần bột giặt NET
	Chủ tịch HĐQT	Công ty Cổ phần Masan PQ
	Chủ tịch HĐTV	Công ty TNHH Cát Trắng
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc
	Phó Tổng Giám đốc	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
	Chủ tịch Công ty	Công ty TNHH Masan Long An
HỒ THÚY HẠNH	Trưởng Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần Masan Jinju
	Kiểm soát viên	Công ty TNHH MTV Masan HD
	Thành viên HĐQT	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
HUỲNH CÔNG HOÀN	Phó Giám đốc Phòng Pháp chế	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

3. Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

4. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu gồm 05 thành viên (trong đó có 01 thành viên đã từ nhiệm kể từ ngày 01/9/2021) để thực thi các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, giám sát, hoạch định các chiến lược sản xuất, kinh doanh phát triển Công ty và chỉ đạo sát sao Ban Giám đốc Công ty thực hiện.
- Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã có những hoạt động nổi bật:
  - Thông qua các cuộc họp định kỳ và đột xuất đã ban hành tổng cộng 12 Nghị quyết/Quyết định để kịp thời giải quyết đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, bao gồm:

Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung quyết định
01/2021/NQ-HĐQT	08/02/2021	Chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) để tham dự Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021
02/2021/NQ-HĐQT	24/3/2021	Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021
03/2021/NQ-HĐQT	31/3/2021	- Phê duyệt việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ của Công ty. - Phê duyệt và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, Quy trình kiểm toán nội bộ của Công ty.
04/2021/NQ-HĐQT	14/4/2021	Thay đổi người quản lý và đại diện pháp luật

05/2021/NQ-HĐQT	14/4/2021	Ban hành quy chế hoạt động của UBKT, bổ nhiệm thành viên UBKT
06/2021/NQ-HĐQT	01/6/2021	Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc
07/2021/NQ-HĐQT	05/7/2021	Chấp thuận cho Công ty giao kết và thực hiện các giao dịch phái sinh giá cả hàng hóa với Ngân hàng MBBank.
08/2021/NQ-HĐQT	01/9/2021	Phê duyệt việc ông Trương Công Thắng từ nhiệm khỏi chức danh Thành viên HĐQT của Công ty trước nhiệm kỳ.
09/2021/NQ-HĐQT	17/9/2021	- Miễn nhiệm chức danh Thư ký Công ty. - Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty
10/2021/NQ-HĐQT	13/10/2021	- Phê duyệt ban hành bản sửa đổi lần 1 Quy chế Kiểm toán nội bộ và Quy trình kiểm toán nội bộ. - Thành lập Phòng Kiểm toán nội bộ. - Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021.
11/2021/NQ-HĐQT	06/12/2021	Phê duyệt tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền
12/2021/NQ-HĐQT	22/12/2021	Thông qua bản sửa đổi lần thứ nhất của các Quy chế nội bộ: Quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc; Quy chế hội nghị người lao động; Quy chế đối thoại định kỳ tại nơi làm việc

- Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi thông tin thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành/độc lập đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của Công ty.
- Hội đồng Quản trị đã thường xuyên giám sát và đảm bảo hoạt động của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác luôn tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy chế của Công ty, đồng thời chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Không có giao dịch giữa Công ty với các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm qua.
- Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

B. BAN KIỂM SOÁT/ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Danh sách và cơ cấu thành phần Ban Kiểm soát/Ủy ban kiểm toán:

1.1 Trước ngày 14/4/2021, Công ty hoạt động theo mô hình quản trị: Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 bao gồm 03 thành viên bên dưới:

Tên thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (*)
Huỳnh Thiên Phú	1981	Trưởng Ban	0	0%
Nguyễn Thành Luân	1985	Thành viên	0	0%
Mai Văn Cường	1986	Thành viên	0	0%

(*) dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến ngày 31/12/2021.

1.2 Kể từ ngày 14/4/2021, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức của Công ty thành Đại hội Đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị (gồm Ủy Ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị) và Tổng Giám đốc, do đó toàn bộ thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm.
Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị bao gồm 02 thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hanh sau đây:

Tên thành viên	Năm sinh	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (*)
Hồ Thúy Hạnh	1971	Chủ tịch	0	0%
Huỳnh Công Hoàn	1972	Thành viên	0	0%

(*) dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tính đến ngày 31/12/2021.

2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2021:

- Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính Công ty;
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát Phòng kiểm toán nội bộ của Công ty.
- Xem xét, phê duyệt Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ Công ty tháng 12/2021 trước khi trình Hội đồng Quản trị.

C. GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

1. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong năm 2021:

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban kiểm soát trong năm 2021 hoạt động không có thù lao.

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: không có.

3. Các giao dịch khác (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với Công ty):

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây:

  Trong 03 năm gần đây, Công ty đã phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa, nguyên vật liệu nội bộ, tài sản cố định, chia sẻ chi phí, cho vay, nhận bảo lãnh, xúc tiến thương mại,

chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu với các công ty mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc đã và đang là thành viên HĐQT, Giám đốc.

Năm	Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty
2019	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HD	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan MB	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Masan PQ	Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Bên liên quan
2020	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HD	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan MB	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan Brewery Distribution	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Masan Jinju	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty CP Bột giặt NET	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
2021	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Thành viên HĐQT của Công ty là Chủ tịch HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan

	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Thành viên HĐQT của Công ty là Thành viên HĐQT của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HD	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan MB	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty TNHH Một thành viên Masan HG	Thành viên HĐQT của Công ty là chủ tịch Công ty của Bên liên quan
	Công ty Cổ phần Café De Nam	Công ty con

- Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

- Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành: không có.

PHẦN 6:

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600261626	ngày 29 tháng 12 năm 2004
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất là vào ngày 7 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
	Ông Huỳnh Công Hoàn	Thành viên
	Bà Hồ Thúy Hạnh	Thành viên
	Ông Trương Công Thắng	Thành viên (đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)
Ban Giám đốc	Ông Le Huu - Thang	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)
	Ông Đoàn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2021)
	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 6 năm 2021)
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 Phường An Bình Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N: 3600261624 CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA TP. BIÊN HÒA

Lê Hữu - Thang
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 8 tháng 3 năm 2022

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00354/2-22-2

Nelson Rodriguez Casihan	Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề	Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1	Kiểm toán số 4629-2018-007-2
Phó Tổng Giám đốc	

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**1.496.987.596.788**	**1.619.382.377.622**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**6**	**1.124.040.455.859**	**201.559.823.160**
Tiền	111		14.040.455.859	20.059.823.160
Các khoản tương đương tiền	112		1.110.000.000.000	181.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**400.000.000**	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		400.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**130.526.111.432**	**1.172.535.183.612**
Phải thu của khách hàng	131	7	125.667.638.470	226.823.642.968
Trả trước cho người bán	132		972.863.400	1.088.680.415
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	3.885.609.562	944.622.860.229
Hàng tồn kho	**140**	**9**	**233.214.952.292**	**236.715.265.299**
Hàng tồn kho	141		233.859.681.449	236.725.530.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(644.729.157)	(10.265.333)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**8.806.077.205**	**8.572.105.551**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		644.014.574	452.269.144
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.159.499.875	8.115.349.938
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	153		2.562.756	4.486.469

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	**200**		**448.590.081.493**	**512.396.964.606**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**5.000.000**	**5.000.000**
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	5.000.000	5.000.000
Tài sản cố định	**220**		**410.952.552.471**	**465.666.561.462**
Tài sản cố định hữu hình	221	10	410.766.986.178	465.357.284.313
Nguyên giá	*222*		*1.106.258.448.684*	*1.096.484.179.026*
Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(695.491.462.506)*	*(631.126.894.713)*
Tài sản cố định vô hình	227	11	185.566.293	309.277.149
Nguyên giá	*228*		*2.180.358.879*	*2.180.358.879*
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.994.792.586)*	*(1.871.081.730)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**2.341.741.814**	**1.611.020.720**
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.341.741.814	1.611.020.720
Tài sản dài hạn khác	**260**		**35.290.787.208**	**45.114.382.424**
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	18.330.750.886	20.747.386.756
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	4.957.255.744	9.646.604.382
Lợi thế thương mại	269	15	12.002.780.578	14.720.391.286
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**1.945.577.678.281**	**2.131.779.342.228**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**683.087.147.133**	**633.342.602.272**
Nợ ngắn hạn	**310**		**676.081.729.395**	**628.116.929.272**
Phải trả người bán	311	16	241.745.846.803	162.459.760.504
Người mua trả tiền trước	312		8.475.585.334	1.019.768.792
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	37.302.741.587	99.562.489.090
Chi phí phải trả	315	18	40.516.912.540	23.075.152.579
Phải trả ngắn hạn khác	319	19(a)	4.001.185.948	3.724.116.743
Vay ngắn hạn	320	20	323.007.559.725	317.243.744.106
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.031.897.458	21.031.897.458
Nợ dài hạn	**330**		**7.005.417.738**	**5.225.673.000**
Phải trả dài hạn khác	337	19(b)	279.450.000	279.450.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	2.109.532.988	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		4.616.434.750	4.946.223.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**1.262.490.531.148**	**1.498.436.739.956**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**1.262.490.531.148**	**1.498.436.739.956**
Vốn cổ phần	411	22	265.791.350.000	265.791.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*265.791.350.000*	*265.791.350.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.510.848.947	213.510.848.947
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		751.690.869.498	1.002.800.069.975
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*338.321.694.975*	*279.198.484.714*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	*421b*		*413.369.174.523*	*723.601.585.261*
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.523.220.735	(13.639.770.934)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.945.577.678.281**	**2.131.779.342.228**

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Lê Hữu - Thang
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**24**	**2.219.081.722.078**	**2.902.455.374.781**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**24**	**2.171.971.874**	**1.162.717.432**
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**24**	**2.216.909.750.204**	**2.901.292.657.349**
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	**11**	**25**	**1.661.435.699.579**	**2.010.957.380.215**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**555.474.050.625**	**890.335.277.134**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	62.881.462.350	65.765.448.691
Chi phí tài chính	22	27	5.552.906.411	20.383.504.195
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*5.065.330.964*	*12.938.538.162*
Chi phí bán hàng	25	28	15.680.623.301	6.900.271.350
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	48.731.906.164	26.727.403.421
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**548.390.077.099**	**902.089.546.859**
Thu nhập khác	31		200.288.833	-
Chi phí khác	32		24.807.560	273.187.864
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**175.481.273**	**(273.187.864)**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**548.565.558.372**	**901.816.358.995**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**31**	**113.234.510.554**	**180.697.735.688**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**31**	**6.798.881.626**	**274.481.489**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	**60**		**428.532.166.192**	**720.844.141.818**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	**60**		**428.532.166.192**	**720.844.141.818**
Phân bổ:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		428.835.137.878	723.601.585.261
Cổ đông không kiểm soát	62		(302.971.686)	(2.757.443.443)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	16.134	27.224

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Le Huu Thang
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**	**548.565.558.372**	**901.816.358.995**
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	68.942.148.066	69.546.384.521
Các khoản dự phòng	03	1.151.781.052	816.056.175
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	21.290.337	(527.818.896)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(61.410.537.697)	(63.934.135.608)
Chi phí lãi vay	06	5.065.330.964	12.938.538.162
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**	**562.335.571.094**	**920.655.383.349**
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	99.068.674.289	985.746.435.955
Biến động hàng tồn kho	10	2.018.743.705	(28.224.787.245)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	113.949.417.178	(144.170.687.406)
Biến động chi phí trả trước	12	3.769.348.440	4.810.438.733
		781.141.754.706	**1.738.816.783.386**
Tiền lãi vay đã trả	14	(5.040.781.018)	(14.464.431.436)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(183.922.811.404)	(158.607.916.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**592.178.162.284**	**1.565.744.435.859**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(14.549.064.061)	(11.527.743.220)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	118.548.968	29.400.080
Tiền chi cho vay	23	-	(600.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền chi cho hoạt động đầu tư khác	23	(5.400.000.000)	(1.170.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	-	600.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và tiền thu hồi từ hoạt động đầu tư khác	24	925.000.000.000	250.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và hoạt động đầu tư khác	27	83.811.623.796	40.403.205.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**988.981.108.703**	**(891.095.137.794)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa và công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	850.347.096.224	1.208.322.129.561
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(844.583.280.605)	(1.236.485.026.291)
Tiền trả cổ tức	36	(664.407.350.000)	(663.899.725.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(658.643.534.381)**	**(692.062.621.730)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**922.515.736.606**	**(17.413.323.665)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**	**201.559.823.160**	**218.388.319.710**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	**61**	**(35.103.907)**	**584.827.115**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	**70**	**1.124.040.455.859**	**201.559.823.160**

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Le Hieu Thang
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn").

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê, ngũ cốc ăn liền và thức uống không cồn cho thị trường nội địa và xuất khẩu.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2021: 1 công ty con sở hữu trực tiếp). Thông tin chi tiết của công ty con được mô tả như sau:

Tên	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế và quyền biểu quyết	
			31/12/2021	1/1/2021
Công ty Cổ phần Café De Nam	Sản xuất đồ uống và thương mại	Lô đất C I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	97,77%	85%

Công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 270 nhân viên (1/1/2021: 262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là một đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI") được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu từ hoặc chi ra từ giao dịch này tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn, và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát cần xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

(ii) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 8 năm.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn còn lại của hợp đồng thuê đất là 43 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua một công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(n) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu cung cấp dịch vụ không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, thu nhập lãi từ các khoản cho vay phải thu và các khoản đầu tư khác, và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(i) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và lỗ từ hoạt động tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của các bộ phận bao gồm các khoản mục liên quan trực tiếp đến một bộ phận cùng các khoản có thể được phân bổ trên cơ sở hợp lý. Các khoản mục chưa được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và thu nhập liên quan, các khoản đầu tư và thu nhập liên quan, các khoản vay và cho vay và các chi phí liên quan, tài sản của trụ sở chính của Công ty, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản thuế thu nhập và các khoản nợ và chi phí, và các khoản mục có liên quan đến nhiều hơn một bộ phận và không thể phân bổ hợp lý cho một bộ phận.

(u) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn hoạt động trong các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và thức uống không cồn; và
- Khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Cà phê và thức uống không cồn VND	Khác (*) VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	1.832.431.084.314	384.478.665.890	2.216.909.750.204
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp của bộ phận	(1.442.304.908.876)	(219.130.790.703)	(1.661.435.699.579)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	390.126.175.438	165.347.875.187	555.474.050.625
Chi phí bán hàng không phân bổ			(15.680.623.301)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(48.731.906.164)
Doanh thu hoạt động tài chính			62.881.462.350
Chi phí tài chính			(5.552.906.411)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			548.390.077.099
Kết quả từ các hoạt động khác			175.481.273
Chi phí thuế thu nhập			(120.033.392.180)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			428.532.166.192

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Cà phê và thức uống không cồn VND	Khác (*) VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	2.373.332.942.547	527.959.714.802	2.901.292.657.349
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp của bộ phận	(1.666.355.939.935)	(344.601.440.280)	(2.010.957.380.215)
Lợi nhuận gộp của bộ phận	706.977.002.612	183.358.274.522	890.335.277.134
Chi phí bán hàng không phân bổ			(6.900.271.350)
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ			(26.727.403.421)
Doanh thu hoạt động tài chính			65.765.448.691
Chi phí tài chính			(20.383.504.195)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh			902.089.546.859
Kết quả từ các hoạt động khác			(273.187.864)
Chi phí thuế thu nhập			(180.972.217.177)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			720.844.141.818

(*) Khác bao gồm ngũ cốc và các mặt hàng khác.

Tài sản và nợ phải trả không thể phân bổ cho các bộ phận trên theo một cơ sở hợp lý.

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

5. Tăng lợi ích vốn chủ sở hữu trong một công ty con

Trong tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Café De Nam ("CDN"), một công ty con, đã phát hành 17.000.000 cổ phiếu mới theo mệnh giá là 10.000 VND một cổ phiếu và số cổ phiếu này đã được Công ty đăng ký mua toàn bộ. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong CDN đã tăng từ 85% lên 97,77% và một khoản chênh lệch là 15.465.963.355 VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 21).

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	28.018.155	12.037.129
Tiền gửi ngân hàng	14.012.437.704	20.047.786.031
Các khoản tương đương tiền	1.110.000.000.000	181.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	1.124.040.455.859	201.559.823.160

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

7. Phải thu của khách hàng

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu từ các bên liên quan	73.510.843.653	206.961.247.368
Phải thu từ các bên thứ ba	52.156.794.817	19.862.395.600
	125.667.638.470	226.823.642.968

Xem thêm Thuyết minh 33 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

8. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	1.338.321.096	92.887.671
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	303.400.000	167.000.000
Tiền đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác	-	920.000.000.000
Lãi dự thu từ hoạt động đầu tư khác	-	23.765.068.492
Phải thu khác	2.243.888.466	597.904.066
	3.885.609.562	944.622.860.229

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	5.000.000	5.000.000

9. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	8.713.213.429	-	5.717.017.500	-
Nguyên vật liệu	160.994.827.280	(644.729.157)	188.584.317.770	(10.265.333)
Công cụ và dụng cụ	9.056.027.248	-	8.090.616.853	-
Thành phẩm	49.449.405.619	-	33.662.323.452	-
Hàng hóa	195.050.449	-	671.255.057	-
Hàng gửi đi bán	5.451.157.424	-	-	-
	233.859.681.449	(644.729.157)	236.725.530.632	(10.265.333)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	10.265.333	990.481.625
Tăng dự phòng trong năm	1.481.569.302	706.460.425
Sử dụng dự phòng trong năm	(847.105.478)	(1.686.676.717)
Số dư cuối năm	644.729.157	10.265.333

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 645 triệu VND (1/1/2021: 10 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	203.568.960.136	882.144.692.375	6.284.570.844	4.485.955.671	1.096.484.179.026
Tăng trong năm	-	-	48.993.633	-	48.993.633
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	11.461.534.734	-	-	11.461.534.734
Thanh lý	-	(1.496.258.709)	-	(240.000.000)	(1.736.258.709)
Số dư cuối năm	203.568.960.136	892.109.968.400	6.333.564.477	4.245.955.671	1.106.258.448.684
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	83.945.300.057	539.356.284.539	3.888.812.528	3.936.497.589	631.126.894.713
Khấu hao trong năm	9.883.410.817	55.534.362.717	532.893.749	150.159.219	66.100.826.502
Thanh lý	-	(1.496.258.709)	-	(240.000.000)	(1.736.258.709)
Số dư cuối năm	93.828.710.874	593.394.388.547	4.421.706.277	3.846.656.808	695.491.462.506
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	119.623.660.079	342.788.407.836	2.395.758.316	549.458.082	465.357.284.313
Số dư cuối năm	109.740.249.262	298.715.579.853	1.911.858.200	399.298.863	410.766.986.178

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá 307.810 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 278.826 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	1.304.073.640	876.285.239	2.180.358.879
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.304.073.640	567.008.090	1.871.081.730
Khấu hao trong năm	-	123.710.856	123.710.856
Số dư cuối năm	1.304.073.640	690.718.946	1.994.792.586
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	309.277.149	309.277.149
Số dư cuối năm	-	185.566.293	185.566.293

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá 1.304 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 1.304 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND
Số dư đầu năm	1.611.020.720
Tăng trong năm	13.736.713.828
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.461.534.734)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.544.458.000)
Số dư cuối năm	2.341.741.814

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Máy móc và thiết bị	2.341.741.814	1.611.020.720

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	13.694.793.389	7.052.593.367	20.747.386.756
Tăng trong năm	-	545.409.092	545.409.092
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.544.458.000	1.544.458.000
Phân bổ trong năm	(402.788.040)	(4.103.714.922)	(4.506.502.962)
Số dư cuối năm	13.292.005.349	5.038.745.537	18.330.750.886

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	24.469.203	-	10.876.299	-
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	4.932.786.541	(2.109.532.988)	9.635.728.083	-
	4.957.255.744	(2.109.532.988)	9.646.604.382	-

15. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	27.176.107.031
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	12.455.715.745
Phân bổ trong năm	2.717.610.708
Số dư cuối năm	15.173.326.453
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	14.720.391.286
Số dư cuối năm	12.002.780.578

16. Phải trả người bán

	31/12/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/1/2021 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên thứ ba	217.351.935.943	128.737.377.390
Phải trả các bên liên quan	24.393.910.860	33.722.383.114
	241.745.846.803	162.459.760.504

Xem thêm Thuyết minh 33 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	88.606.067.705	113.234.510.554	(183.922.811.404)	-	17.917.766.855
Thuế giá trị gia tăng	10.785.071.719	204.718.255.356	(74.191.901.341)	(122.813.925.996)	18.497.499.738
Thuế thu nhập cá nhân	171.349.666	10.114.156.737	(9.186.577.953)	(211.453.456)	887.474.994
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.703.303.837	(1.703.303.837)	-	-
Các loại thuế khác	-	9.390.365.337	(9.390.365.337)	-	-
	99.562.489.090	339.160.591.821	(278.394.959.872)	(123.025.379.452)	37.302.741.587

18. Chi phí phải trả

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Thưởng và lương tháng 13	17.877.344.465	13.101.097.327
Chi phí gia công	9.635.346.482	5.679.173.340
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	1.582.282.559	311.862.500
Chi phí kho vận	1.089.135.077	551.483.712
Chi phí lãi vay	834.719.494	810.169.548
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	121.606.800	1.263.500.000
Chi phí khác	9.376.477.663	1.357.866.152
	40.516.912.540	23.075.152.579

19. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	2.534.365.000	2.463.340.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	381.882.500	381.882.500
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	312.102.657	202.588.375
Phải trả khác	772.835.791	676.305.868
	4.001.185.948	3.724.116.743

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	279.450.000	279.450.000

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	317.243.744.106	850.347.096.224	(844.583.280.605)	323.007.559.725

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	2,4% – 3,2%	323.007.559.725	317.243.744.106

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn không có khoản vay nào quá hạn bao gồm cả gốc và lãi.

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	943.676.859.714	(10.882.327.491)	1.442.070.973.138
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	723.601.585.261	(2.757.443.443)	720.844.141.818
Cổ tức (**)	-	-	-	(664.478.375.000)	-	(664.478.375.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	1.002.800.069.975	(13.639.770.934)	1.498.436.739.956
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	428.835.137.878	(302.971.686)	428.532.166.192
Cổ tức (**)	-	-	-	(664.478.375.000)	-	(664.478.375.000)
Tăng lợi ích vốn chủ sở hữu trong một công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	(15.465.963.355)	15.465.963.355	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	265.791.350.000	29.974.241.968	213.510.848.947	751.690.869.498	1.523.220.735	1.262.490.531.148

(*) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(**) Hội đồng Quản trị Công ty vào ngày 6 tháng 12 năm 2021 đã quyết định tạm ứng cổ tức bằng tiền với số tiền là 664.478.375.000 VND (2020: 664.478.375.000 VND).

22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần		29.974.241.968		29.974.241.968

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng 1 năm	4.796.214.000	4.944.792.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	580.800.000	3.726.000
	5.377.014.000	4.948.518.000

(b) Ngoại tệ

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	66.284	1.501.329.203	303.667	6.979.786.225

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.424.566.624	7.370.127.180
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	5.851.028.525	685.532.100
	7.275.595.149	8.055.659.280

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.209.039.759.236	2.898.295.524.483
▪ Doanh thu khác	10.041.962.842	4.159.850.298
	2.219.081.722.078	2.902.455.374.781
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	2.023.856.294	1.162.717.432
▪ Chiết khấu thương mại	148.115.580	-
	2.171.971.874	1.162.717.432
Doanh thu thuần	2.216.909.750.204	2.901.292.657.349

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp	1.626.486.818.808	1.991.192.385.215
▪ Giá vốn khác	33.467.311.469	19.058.534.575
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.481.569.302	706.460.425
	1.661.435.699.579	2.010.957.380.215

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng và hoạt động đầu tư khác	61.291.988.729	34.158.010.825
Lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	-	29.917.808.218
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.589.473.621	1.689.629.648
	62.881.462.350	65.765.448.691

27. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	5.065.330.964	12.938.538.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	487.575.447	155.938.303
Chi phí khác	-	7.289.027.730
	5.552.906.411	20.383.504.195

28. Chi phí bán hàng

	2021 VND	2020 VND
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	9.843.973.520	516.467.679
Chi phí kho vận	2.601.910.309	2.508.340.963
Chi phí nhân viên	534.821.458	1.205.818.480
Chi phí khác	2.699.918.014	2.669.644.228
	15.680.623.301	6.900.271.350

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	33.493.588.776	11.040.427.739
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	2.717.610.708	2.717.610.708
Chi phí khấu hao	579.940.705	590.579.771
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	213.047.776	203.295.606
Chi phí nghiên cứu và phát triển	148.974.515	355.880.381
Phí quản lý	-	3.598.063.998
Chi phí khác	11.578.743.684	8.221.545.218
	48.731.906.164	26.727.403.421

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	1.395.741.661.930	1.698.045.477.741
Chi phí nhân công và nhân viên	115.638.335.252	95.993.340.550
Chi phí khấu hao	68.942.148.066	69.546.384.521
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.703.476.507	130.010.335.944
Chi phí khác	44.822.607.289	50.989.516.230

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	113.234.510.554	184.459.176.203
Dự phòng thừa trong các năm trước	-	(3.761.440.515)
	113.234.510.554	180.697.735.688
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(201.118.374)	274.481.489
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.000.000.000	-
	6.798.881.626	274.481.489
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	120.033.392.180	180.972.217.177

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	548.565.558.372	901.816.358.995
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	109.713.111.674	180.363.271.799
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	543.522.140	543.522.140
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.522.418.575	3.635.134.640
Dự phòng thừa trong các năm trước	-	(3.761.440.515)
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	254.339.791	191.729.113
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.000.000.000	-
	120.033.392.180	180.972.217.177

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản chênh lệch tạm thời và lỗ tính thuế của công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con này có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó. Lỗ tính thuế của công ty con phụ thuộc vào việc xem xét của cơ quan thuế và chưa được quyết toán.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20%.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, cũng như từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của họ về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác nhau và mức ảnh hưởng có thể là đáng kể.

32. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 428.835.137.878 VND (2020: 723.601.585.261 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 26.579.135 (2020: 26.579.135 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	428.835.137.878	723.601.585.261

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm	26.579.135	26.579.135

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.134	27.224

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

33. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ				
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan				
Bán hàng hóa	1.959.937.337.676	2.464.386.422.912	56.748.838.119	190.431.486.780
Bán dịch vụ	-	186.746.021.000	-	10.801.005.600
Mua hàng hóa	65.869.022.754	102.354.154.877	-	-
Mua tài sản cố định	-	325.000.000	-	-
Công ty mẹ				
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage				
Cổ tức	656.449.375.000	656.449.375.000	-	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan				
Bán hàng hóa	560.407.305	408.712.838	-	6.999.300
Bán tài sản cố định	-	29.400.080	-	-
Mua hàng hóa	87.578.880	5.827.490.240	(13.945.294)	(3.251.498.113)
Mua dịch vụ	16.853.415.909	32.147.402.876	(6.946.100.390)	(8.026.013.092)
Phí quản lý	-	3.598.063.998	-	(3.957.870.398)
Cho vay	-	600.000.000.000	-	-
Thu hồi khoản cho vay	-	600.000.000.000	-	-
Thu nhập lãi cho vay	-	29.917.808.218	-	-

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo				
Bán hàng hóa	58.917.276	8.713.200	-	-
Mua hàng hóa	34.815.252.153	65.646.865.734	(10.314.478.321)	(13.503.776.971)
Mua dịch vụ	26.022.240.000	51.866.079.072	(7.375.072.320)	(5.526.180.000)
Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB				
Bán hàng hóa và dịch vụ	22.367.299.447	20.791.403.040	5.866.022.184	1.227.113.448
Mua hàng hóa	2.237.664.000	10.797.540.156	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG				
Bán hàng hóa và dịch vụ	32.007.382.490	5.582.670.045	10.056.826.560	4.494.642.240
Mua hàng hóa	1.091.376.000	75.978.496	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD				
Bán hàng hóa	4.153.625	1.980.000	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution				
Mua hàng hóa	42.755.454	6.259.091	-	-
Công ty Cổ phần Masan JinJu				
Bán hàng hóa	8.418.249	-	9.260.074	-
Mua hàng hóa	-	12.660.574	-	-
Công ty TNHH Hi-Fresh				
Mua hàng hóa	7.400.000	-	(8.140.000)	-
Mua tài sản cố định	48.993.633	-	(53.892.996)	-
Công ty Cổ Phần Phúc Long Heritage				
Bán hàng hóa	1.442.141.560	-	829.896.716	-

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
	2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến				
Mua hàng hóa	-	35.275.632	-	(9.460.000)
Công ty Cổ phần Bột giặt NET				
Mua hàng hóa	-	8.770.908	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao	20.168.016.664	6.592.660.523	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2021 VND	2020 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Hồng Sơn	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Công Hoàn	Thành viên	-	-
Bà Hồ Thúy Hạnh	Thành viên	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên (đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)	-	-
Ban Giám đốc			
Ông Le Huu - Thang	Tổng Giám đốc (từ ngày 14 tháng 4 năm 2021)	19.528.085.791	-
Ông Đoàn Quốc Hưng	Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 4 năm 2021)	-	3.598.063.998

34. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Thị Ngọc Trâm	Phan Thị Thúy Hoa	Le Huu - Thang
Kế toán Tổng hợp	*Kế toán Trưởng*	*Tổng Giám đốc*